

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 126/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

Căn cứ Điều 25 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 10 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước đối với hội được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, công dân Việt Nam có liên quan đến thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước về hội. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về tổ chức, hoạt động của hội khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành đó.

2. Nghị định này không áp dụng với các tổ chức:

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

b) Các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng;

c) Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hội là tổ chức tự nguyện của tổ chức, công dân Việt Nam cùng lĩnh vực, ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được tổ chức và hoạt động theo Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

2. Không vì mục tiêu lợi nhuận được hiểu là hội không có mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, nếu có phát sinh lợi nhuận trong quá trình hoạt động của hội thì không được phân chia cho hội viên mà chỉ để dùng cho các hoạt động theo điều lệ của hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

3. Cơ sở dữ liệu về hội là tập hợp thông tin phục vụ chức năng quản lý nhà nước về hội và hoạt động của các hội nhằm lưu trữ và chia sẻ thông tin về các hội.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

Phạm vi hoạt động của hội (theo địa giới hành chính) gồm:

1. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.
2. Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.
3. Hội hoạt động trong phạm vi huyện.
4. Hội hoạt động trong phạm vi xã (đối với hội sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng được xác định tương đương hội hoạt động trong phạm vi xã).

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hội

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục tiêu lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ hội.

Điều 6. Tên gọi, biểu tượng, trụ sở, con dấu và tài khoản của hội

1. Hội có các tên gọi khác nhau: hội, hiệp hội, liên đoàn, liên minh, liên hiệp hội, tổng hội, câu lạc bộ và tên gọi khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là hội) và đảm bảo điều kiện tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.
2. Trụ sở của hội đặt tại Việt Nam trong phạm vi hoạt động của hội và có địa chỉ cụ thể, rõ ràng.
3. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản và có thể có biểu tượng (logo) riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chính sách của Nhà nước đối với hội

1. Khuyến khích, tạo điều kiện để các hội tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ, tham gia tư vấn, phản biện chính sách, chương trình, dự án, đề tài, đề án và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
2. Hỗ trợ kinh phí theo quy định của pháp luật gắn với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 8 Nghị định này giao.
3. Cung cấp thông tin, tuyên truyền phổ biến chủ trương đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Điều 8. Cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và cấp có thẩm quyền ở Trung ương giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở tỉnh giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện.

3. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp có thẩm quyền ở huyện giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

4. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp có thẩm quyền ở xã giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi xã.

Điều 9. Cơ sở dữ liệu về hội

1. Cơ sở dữ liệu về hội được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Nội vụ; cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp huyện để hỗ trợ giải quyết các thủ tục về hội và quản lý hoạt động của các tổ chức hội theo phân cấp.

2. Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội:

a) Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội bao gồm:

Thông tin được xác lập khi ban vận động thành lập hội đề nghị thành lập hội;

Bản sao hoặc bản điện tử được ký số hợp lệ của hồ sơ đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ hoặc sửa đổi, bổ sung điều lệ hội;

Một số thông tin về nhân sự ban chấp hành hội hoặc tên gọi khác (sau đây gọi chung là ban chấp hành hội), ban thường vụ hội hoặc tên gọi khác (sau đây gọi chung là ban thường vụ hội); chủ tịch, phó chủ tịch hội; cơ cấu tổ chức, trụ sở, số điện thoại, nhiệm kỳ của hội;

Các báo cáo định kỳ và đột xuất;

Thông tin về tài sản, tài chính của hội;

Các thông tin liên quan khác (nếu có);

b) Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội được xác lập từ các nguồn sau:

Thông tin được cập nhật trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Nội vụ;

Thông tin của các hội cung cấp trong hồ sơ đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ hoặc sửa đổi, bổ sung điều lệ hội;

Thông tin do hội cập nhật lên cơ sở dữ liệu;

Thông tin do các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động cung cấp;

Thông tin được số hóa, chuẩn hóa từ quyết định giải quyết các thủ tục hành chính về hội;

Thông tin được chia sẻ, chuyển đổi, chuẩn hóa từ các cơ sở dữ liệu được thiết lập trước đây.

3. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về hội:

a) Không đưa các thông tin thuộc bí mật nhà nước liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước;

b) Phân cấp cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng và gắn việc xây dựng cơ sở dữ liệu hội với việc giải quyết thủ tục hành chính điện tử;

c) Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội được lưu trữ đầy đủ, chính xác; khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả theo quy định của pháp luật;

d) Cơ sở dữ liệu về hội được bảo vệ nghiêm ngặt, an toàn theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin; bảo đảm sự tương thích, an toàn, thông suốt trong toàn hệ thống các cơ sở dữ liệu;

đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Quản lý, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hội:

a) Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về hội; ban hành quy chế quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến sau khi cơ sở dữ liệu về hội được xây dựng và vận hành; cấp mã số và các tài khoản định danh cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và hội;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và hội có trách nhiệm truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định;

c) Bộ Nội vụ, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và hội có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về hội.

Chương II **THÀNH LẬP HỘI**

Điều 10. Điều kiện thành lập hội

1. Tên gọi của hội đảm bảo các điều kiện sau:

a) Viết bằng tiếng Việt hoặc phiên âm theo tiếng Việt, nếu không phiên âm ra được tiếng Việt thì dùng tiếng nước ngoài; tên gọi riêng của hội có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của hội;

c) Không trùng lặp toàn bộ tên gọi hoặc gây nhầm lẫn, bao trùm tên gọi với các hội khác đã được thành lập hợp pháp trước đó;

d) Không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc.

2. Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động.

3. Có tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động phù hợp quy định pháp luật.

4. Có điều lệ, trừ hội quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định này.

5. Có trụ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

6. Có đủ số lượng tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác:

a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 100 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

b) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 50 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

c) Hội hoạt động trong phạm vi huyện có ít nhất 20 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

d) Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 10 tổ chức, công dân tại đơn vị hành chính cấp xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

đ) Hiệp hội của các tổ chức kinh tế hoạt động trong phạm vi toàn quốc có hội viên là đại diện các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam, có ít nhất 11 đại diện pháp nhân ở nhiều tỉnh; hiệp hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 đại diện pháp nhân trong tỉnh cùng ngành nghề hoặc cùng lĩnh vực hoạt động có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hiệp hội.

7. Có tài sản để đảm bảo hoạt động của hội.

Điều 11. Ban vận động thành lập hội

1. Tổ chức, công dân Việt Nam có nhu cầu thành lập hội phải thành lập ban vận động thành lập hội (trong đó dự kiến trưởng ban, phó trưởng ban và các ủy viên) theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này công nhận ban vận động thành lập hội.

2. Thành viên ban vận động thành lập hội là tổ chức, công dân Việt Nam tâm huyết, trách nhiệm, hoạt động trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động hoặc có liên quan đến lĩnh vực hội dự kiến hoạt động. Các thành viên ban vận động thành lập hội phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đối với tổ chức:

Được thành lập hợp pháp, có điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; có đơn tham gia ban vận động thành lập hội;

Có nghị quyết của tập thể lãnh đạo hoặc quyết định của người đứng đầu có thẩm quyền về việc tham gia ban vận động thành lập hội và cử người đại diện tham gia thành viên ban vận động thành lập hội. Người được cử làm đại diện là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích;

b) Đối với công dân: có đơn tham gia ban vận động thành lập hội, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích.

3. Thành viên ban vận động thành lập hội là cán bộ, công chức, viên chức phải được sự đồng ý cho tham gia ban vận động thành lập hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

4. Trưởng ban vận động thành lập hội là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kinh nghiệm, có uy tín, am hiểu trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sống thường trú tại Việt Nam.

5. Số thành viên ban vận động thành lập hội được quy định như sau:

a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 10 thành viên đảm bảo tính đại diện cho các vùng, miền;

b) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 thành viên tại hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

c) Hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã có ít nhất 03 thành viên.

6. Ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận khi đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định này. Ban vận động thành lập hội, gồm: trưởng ban, phó trưởng ban và các ủy viên.

7. Ban vận động thành lập hội có trách nhiệm:

a) Vận động tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định công nhận ban vận động thành lập hội có hiệu lực, ban vận động thành lập hội hoàn thiện 01 bộ hồ sơ thành lập hội theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này.

8. Ban vận động thành lập hội tự giải thể sau khi tổ chức đại hội thành lập bầu ra ban chấp hành hội.

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội

1. Hồ sơ đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội được lập thành 01 bộ, gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội (bản gốc), trong đơn nêu rõ tên hội, sự cần thiết thành lập hội, tôn chỉ, mục đích của hội, lĩnh vực chính mà

hội dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động, dự kiến thời gian chuẩn bị thành lập hội và nơi tạm thời làm địa điểm hội họp;

b) Danh sách trích ngang (bản gốc) của những người dự kiến trong ban vận động thành lập hội, gồm: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn; chức vụ, đơn vị công tác (nếu có); chức danh trong ban vận động thành lập hội; địa chỉ thường trú hoặc tạm trú; số điện thoại liên hệ và tài liệu liên quan (bản chính) theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

c) Sơ yếu lý lịch cá nhân (theo mẫu kèm theo Nghị định này) và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên ban vận động thành lập hội không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; nếu thành viên ban vận động thành lập hội là cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tham gia ban vận động thành lập hội bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1;

d) Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia ban vận động thành lập hội (bản chính).

2. Thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi tỉnh;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này lấy ý kiến các cơ quan có liên quan đến hoạt động của hội, xem xét hồ sơ và quyết định công nhận ban vận động thành lập hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Hết thời hạn quy định tại điểm b khoản 7 Điều 11 Nghị định này, ban vận động thành lập hội không hoàn thiện hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định gửi cơ

quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này thì quyết định công nhận ban vận động thành lập hội đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 13. Hồ sơ, thủ tục thành lập hội

1. Hồ sơ đề nghị thành lập hội được lập thành 01 bộ, gồm:

- a) Đơn đề nghị thành lập hội theo mẫu kèm theo Nghị định này (bản gốc);
- b) Dự thảo điều lệ theo mẫu kèm theo Nghị định này;
- c) Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội kèm theo danh sách thành viên ban vận động thành lập hội (bản chính);
- d) Danh sách và đơn đăng ký tham gia thành lập hội của tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội (bản gốc);
- đ) Sơ yếu lý lịch cá nhân theo mẫu kèm theo Nghị định này và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của trưởng ban vận động thành lập hội không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- e) Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia làm trưởng ban vận động thành lập hội (bản chính);
- g) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt trụ sở của hội theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- h) Bản kê khai tài sản thành lập hội (bản gốc) của ban vận động thành lập hội tự nguyện đóng góp (nếu có);
- i) Bản cam kết đảm bảo kinh phí hoạt động trong nhiệm kỳ lần thứ nhất của hội nếu được thành lập (bản gốc).

2. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này phối hợp với các cơ quan có liên quan đến hoạt động của hội quyết định cho phép thành lập hội; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 14. Nội dung chính của điều lệ hội

1. Tên gọi của hội.

2. Tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của hội.
3. Địa vị pháp lý, trụ sở chính của hội.
4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hội.
5. Quyền và nghĩa vụ của hội.
6. Tiêu chuẩn hội viên.
7. Quyền, nghĩa vụ của hội viên; thủ tục đăng ký tham gia hội, thủ tục ra khỏi hội, thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên.
8. Cơ cấu tổ chức, thể thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm; nhiệm vụ, quyền hạn của đại hội, ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra hội; thành lập, quản lý tổ chức thuộc hội; nguyên tắc, hình thức biểu quyết; chính sách, chế độ đối với người làm việc tại hội.
9. Đại diện theo pháp luật của hội; nhiệm vụ, quyền hạn, thể thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ của chủ tịch, phó chủ tịch hội và các chức danh khác (nếu có).
10. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể hội.
11. Nguồn tài sản, tài chính và việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội.
12. Khen thưởng, kỷ luật, xử lý vi phạm.
13. Giải quyết tranh chấp, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức và hoạt động của hội.
14. Các nội dung khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật.
15. Sửa đổi, bổ sung điều lệ.
16. Hiệu lực thi hành.

Điều 15. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc có đảng đoàn.
2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động

trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác về thành lập, phê duyệt điều lệ hội.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

Điều 16. Thời gian đại hội thành lập

1. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập hội, ban vận động thành lập hội tổ chức đại hội thành lập. Quá thời hạn 60 ngày làm việc mà ban vận động thành lập hội chưa chuẩn bị kịp để tiến hành tổ chức đại hội thành lập, thì trong thời gian 15 ngày làm việc tính từ ngày hết thời hạn 60 ngày làm việc, ban vận động thành lập hội chủ động có văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này đề nghị gia hạn.

2. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày làm việc tính từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản cho phép gia hạn.

3. Quyết định cho phép thành lập hội hết hiệu lực trong trường hợp:

a) Hội không tổ chức đại hội theo thời gian quy định và không có văn bản đề nghị gia hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Quá thời gian được gia hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này mà ban vận động thành lập hội không tổ chức đại hội thành lập, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng.

4. Khi quyết định cho phép thành lập hội hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này ra quyết định thu hồi quyết định cho phép thành lập hội. Hội bị thu hồi quyết định cho phép thành lập sẽ không được thành lập lại trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi quyết định cho phép thành lập.

5. Quyết định thành lập ban vận động thành lập hội đương nhiên hết hiệu lực khi quyết định cho phép thành lập hội bị thu hồi theo quy định.

Điều 17. Hội viên

Hội viên của hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự do điều lệ hội quy định:

1. Hội viên chính thức:

a) Tổ chức, công dân Việt Nam tán thành điều lệ hội, tự nguyện đăng ký tham gia hội, đủ tiêu chuẩn hội viên theo quy định của điều lệ hội có thể trở thành hội viên chính thức của hội. Hội viên là tổ chức Việt Nam thì đại diện tổ chức tham gia hội phải là công dân Việt Nam;

b) Hội viên đăng ký tham gia thành lập hội đương nhiên là hội viên chính thức của hội.

2. Hội viên liên kết:

Tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của hội, tán thành điều lệ hội, tự nguyện đăng ký tham gia hội, có thể trở thành hội viên liên kết của hội.

3. Hội viên danh dự:

Tổ chức, công dân Việt Nam có uy tín, có nhiều đóng góp đối với hội được hội mời làm hội viên danh dự của hội.

4. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của hội và không được tham gia bầu cử, ứng cử, đề cử vào ban chấp hành, ban kiểm tra hội.

5. Tiêu chuẩn, thủ tục kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi hội, quyền, nghĩa vụ của hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự được quy định trong điều lệ hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 18. Cơ cấu tổ chức của hội

1. Đại hội.

2. Ban chấp hành hội.

3. Ban thường vụ hội.

4. Ban kiểm tra hội.

5. Các tổ chức thuộc hội theo quy định tại Điều 25 Nghị định này do hội tự quyết định căn cứ vào tính chất, phạm vi, quy mô tổ chức hoạt động của hội, phù hợp quy định của pháp luật và điều lệ hội.

Điều 19. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội là đại hội. Đại hội được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu.

2. Điều kiện tổ chức đại hội:

a) Đại hội thành lập được tổ chức khi có trên 1/2 số người đăng ký tham gia thành lập hội theo hồ sơ đề nghị thành lập hội có mặt;

b) Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức khi có trên 1/2 số hội viên chính thức đối với đại hội toàn thể hoặc có trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt đối với đại hội đại biểu. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 tổng số thành viên ban chấp hành hoặc có trên 1/2 tổng số hội viên chính thức đề nghị;

c) Trường hợp không đủ số lượng đại biểu tham gia dự Đại hội theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì ban vận động thành lập hội hoặc ban chấp hành hội đương nhiệm dừng tổ chức đại hội và có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo hội tổ chức đại hội đảm bảo theo quy định của Nghị định này;

d) Đại biểu chính thức tham dự của đại hội không được ủy quyền cho cá nhân khác dự thay, trừ trường hợp đại hội chấp nhận việc ủy quyền.

3. Đại hội có thể tổ chức trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do ban vận động thành lập hội hoặc ban chấp hành đương nhiệm quyết định. Hội có trách nhiệm phải đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, nhân lực để tổ chức đại hội theo đúng điều lệ, quy chế đại hội và quy định của pháp luật.

4. Nhiệm kỳ đại hội:

a) Nhiệm kỳ đại hội do điều lệ hội quy định nhưng không quá 05 năm kể từ ngày kết thúc đại hội nhiệm kỳ trước;

b) Trước khi hết nhiệm kỳ 30 ngày làm việc, hội chưa tổ chức được đại hội thì hội phải báo cáo lý do với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét cho phép gia hạn thời gian tổ chức đại hội. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng;

c) Hết thời gian gia hạn hội không tổ chức được đại hội thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xử lý vi phạm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định này; trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Cách tính thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ:

a) Nhiệm kỳ đại hội của hội thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này. Trường hợp hội kéo dài nhiệm kỳ đại hội thì thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ tiếp theo được tính kể từ ngày hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ;

b) Trường hợp hội tổ chức đại hội bất thường để thông qua việc đổi tên thì được tính thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ tiếp theo kể từ ngày hội tổ chức đại hội bất thường;

c) Hội thành lập mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội được tính thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ tiếp theo kể từ ngày hội tổ chức đại hội thành lập mới.

6. Nguyên tắc biểu quyết tại đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do đại hội quyết định hoặc theo quy định của điều lệ hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của đại hội phải đảm bảo trên 1/2 số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành hoặc theo quy định của điều lệ hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

7. Trước khi tổ chức đại hội 45 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường) hoặc 15 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập), ban chấp hành hội hoặc ban vận động thành lập hội gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo theo quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động.

8. Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội thành lập:

a) Văn bản của hội báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này về việc tổ chức đại hội thành lập (bản gốc);

b) Đề án nhân sự (bản gốc), trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, dự kiến danh sách thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội và chức danh khác (nếu có);

c) Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với nhân sự là cán bộ, công chức, viên chức dự kiến tham gia ban chấp hành, ban thường vụ hoặc giữ các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội (bản chính).

Trường hợp dự kiến chủ tịch hội không phải là trưởng ban vận động thành lập hội thì phải bổ sung sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; nếu chủ tịch hội dự kiến nêu trên là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1;

d) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội (bản gốc).

9. Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ (bản chính):

a) Văn bản của hội báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ; nếu trong đại hội nhiệm kỳ có nội dung về đổi tên hội thì kèm theo đơn đề nghị đổi tên hội, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội;

b) Nghị quyết của ban chấp hành hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ và việc đổi tên hội (nếu có);

c) Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ mới của hội; báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành, ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội; báo cáo số lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của hội;

d) Dự thảo điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hoặc dự thảo điều lệ theo tên mới (nếu có);

đ) Đề án nhân sự, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, dự kiến danh sách thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội và chức danh khác (nếu có);

e) Sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của nhân sự dự kiến là chủ tịch hội; nếu nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hoặc đang là chủ tịch hội nhiệm kỳ hiện tại của hội thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1;

g) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội;

h) Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với nhân sự là cán bộ, công chức, viên chức dự kiến tham gia ban chấp hành, ban thường vụ hoặc giữ các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội;

i) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật (nếu có).

10. Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội bất thường (bản chính):

a) Văn bản của hội báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này về việc tổ chức đại hội bất thường. Nếu trong đại hội bất thường có nội dung về đổi tên hội thì kèm theo đơn đề nghị đổi tên hội, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội;

b) Nghị quyết của ban chấp hành hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;

c) Dự thảo những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;

d) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội.

11. Sau khi nhận hồ sơ báo cáo đầy đủ, hợp pháp theo quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều này và ý kiến đồng thuận của các cơ quan có liên quan đến ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội.

12. Hội tổ chức đại hội sau khi có ý kiến cho phép tổ chức đại hội bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này.

Điều 20. Nội dung chủ yếu, nguyên tắc biểu quyết tại đại hội

1. Nội dung chủ yếu của đại hội thành lập:

- a) Công bố, trao quyết định cho phép thành lập hội;
- b) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;
- c) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;
- d) Báo cáo kết quả quá trình vận động thành lập hội;
- đ) Thảo luận điều lệ đã được cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét khi cho phép thành lập hội và biểu quyết điều lệ;
- e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên ban chấp hành, ban kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách thành viên ban chấp hành, ban kiểm tra hội;
- g) Bầu ban chấp hành hội, ban kiểm tra hội;
- h) Thông qua chương trình hoạt động nhiệm kỳ của hội;
- i) Các vấn đề khác (nếu có);
- k) Thông qua nghị quyết đại hội.

2. Nội dung chủ yếu tại đại hội nhiệm kỳ:

- a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;
- b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;
- c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của hội; báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành, ban kiểm tra; báo cáo tài chính của hội;
- d) Thảo luận đổi tên hội (nếu có); thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên ban chấp hành, ban kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách ban chấp hành, ban kiểm tra hội;

g) Bầu ban chấp hành; bầu ban kiểm tra hội, trừ hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;

h) Các vấn đề khác theo quy định của điều lệ hội (nếu có);

i) Thông qua nghị quyết đại hội.

3. Nội dung chủ yếu tại đại hội bất thường:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;

b) Thông qua những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội;

c) Thông qua nghị quyết đại hội.

Điều 21. Báo cáo kết quả đại hội, phê duyệt điều lệ hội

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đại hội, ban chấp hành hội gửi 01 bộ hồ sơ (bản chính) đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định này, gồm:

a) Văn bản báo cáo kết quả đại hội, trong đó có đề nghị phê duyệt điều lệ hội, đổi tên hội (nếu có). Trường hợp đại hội quyết định không sửa đổi, bổ sung điều lệ thì hội báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định này về việc tiếp tục thực hiện điều lệ hiện hành;

b) Dự thảo điều lệ hoặc dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c) Biên bản đại hội; biên bản bầu ban thường vụ, ban kiểm tra và các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội (có danh sách kèm theo);

d) Trường hợp chủ tịch hội không phải là nhân sự dự kiến đã báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì hội bổ sung sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ. Chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1;

đ) Chương trình hoạt động của hội;

e) Nghị quyết đại hội.

2. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định này quyết định phê duyệt điều lệ hội với điều kiện hội hoàn thiện dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật theo ý kiến của các cơ quan liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động. Trường hợp nội dung điều lệ hội trái với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối phê duyệt và yêu cầu, hướng dẫn hội hoàn thiện điều lệ hội đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trường hợp điều lệ hội thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, hội báo cáo kết quả đại hội, trong đó có đề nghị phê duyệt điều lệ hội gửi về Bộ Nội vụ để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

4. Hiệu lực thi hành của điều lệ hội:

a) Điều lệ hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc có đảng đoàn có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt;

b) Điều lệ hội không thuộc điểm a khoản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này quyết định phê duyệt.

5. Nếu nghị quyết đại hội của hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã có cùng tên gọi, lĩnh vực hoạt động chính và là hội viên tổ chức của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc, thống nhất thừa nhận điều lệ của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc thì không cần xây dựng điều lệ riêng.

6. Sau khi hội báo cáo kết quả đại hội đầy đủ, hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này ra văn bản thông báo việc tổ chức đại hội của hội đã đảm bảo theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

Điều 22. Ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch và phó chủ tịch hội

1. Ban chấp hành, ban thường vụ:

a) Ban chấp hành do đại hội bầu là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ đại hội. Ban thường vụ do ban chấp hành bầu là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ họp ban chấp hành;

b) Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động của ban chấp hành, ban thường vụ hội do hội quy định phù hợp với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ hội.

2. Chủ tịch và phó chủ tịch hội do ban chấp hành bầu trong số thành viên ban thường vụ.

3. Việc bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với chủ tịch, phó chủ tịch hội, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ hội do điều lệ của hội quy định phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi thực hiện.

4. Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội phải đồng thời bầu chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và điều lệ hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của hội trong thời gian chưa bầu được chủ tịch hội. Chủ tịch hội bị tạm đình chỉ công tác thì phó chủ tịch thường trực điều hành hoạt động của hội trong thời gian chủ tịch hội bị tạm đình chỉ công tác; trường hợp, hội không có phó chủ tịch thường trực thì phân công một phó chủ tịch điều hành hoạt động của hội.

5. Hội quy định cụ thể các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với chủ tịch, phó chủ tịch hội, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ hội.

6. Sau miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch, phó chủ tịch hội, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ hội, hội có văn bản báo cáo gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Văn bản báo cáo nêu rõ họ tên, lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm; đính kèm biên bản họp miễn nhiệm, bãi nhiệm; biên bản họp bầu chủ tịch, phó chủ tịch hội, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ hội; sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 không quá 06 tháng tính đến ngày nộp báo cáo của người được bầu chủ tịch hội. Nếu nhân sự chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1.

7. Chủ tịch hội là đại diện theo pháp luật của hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của hội:

a) Tiêu chuẩn:

Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hội hoạt động;

Có quốc tịch Việt Nam;

Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích.

b) Điều kiện:

Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;

Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

Nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

c) Ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện chung quy định tại điểm a, điểm b khoản này, hội quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ của chủ tịch hội phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội;

d) Trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch hội do điều lệ hội quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ, trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của phó chủ tịch hội, tổng thư ký, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra do điều lệ hội quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương IV **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

Điều 23. Quyền của hội

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ hội đã được phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của hội.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của hội.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội.

6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

8. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh được đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở của hội theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này và có thể đặt văn phòng đại diện tại nước ngoài.

9. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật và điều lệ hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của hội.

10. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

11. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của hội.

12. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

13. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của hội.

14. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).

15. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

16. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

17. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội.

18. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Nghĩa vụ, trách nhiệm của hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội và điều lệ hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49 và Điều 50 Nghị định này.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động, điều lệ, quy chế, quy định của hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật và điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của hội để làm cơ sở cho hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định này.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch, tổng thư ký, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ, hội phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

12. Hàng năm, hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện trước ngày 31 tháng 12. Báo cáo định kỳ hàng năm được thực hiện theo Mẫu số 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ hội.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội, biên bản các cuộc họp ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra hội.

16. Kinh phí thu được theo quy định tại khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 23 Nghị định này phải dành cho hoạt động hội theo quy định của điều lệ hội, không được chia cho hội viên.

17. Việc sử dụng kinh phí của hội phải chấp hành quy định của pháp luật và điều lệ hội đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hàng năm, hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này tương ứng với phạm vi hoạt động của hội. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội.

18. Ban hành các quy chế về hoạt động của ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội; quản lý và sử dụng con dấu của hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của hội vào cơ sở dữ liệu về hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

22. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Các tổ chức thuộc hội**1. Chi nhánh, văn phòng đại diện:**

a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh được thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở của hội;

b) Khi có nhu cầu đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, hội phải có hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện. Hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của hội (bản chính), trong đó ghi rõ: tên hội và địa chỉ trụ sở của hội; mục đích, lĩnh vực hoạt động chính, phạm vi hoạt động của hội; sự cần thiết đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện; dự kiến tên, địa chỉ đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện; nội dung, phạm vi hoạt động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và một số thông tin cơ bản của người dự kiến đứng đầu chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của hội (gồm: họ, tên, nơi thường trú, số căn cước hoặc số căn cước công dân hoặc số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu);

Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của hội theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chức thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu);

Quyết định thành lập hội và điều lệ hội (bản chính hoặc bản sao có chức thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu).

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d) Hội báo cáo Bộ Nội vụ và bộ, cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà hội hoạt động theo quy định sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý bằng văn bản về việc cho phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện;

đ) Chi nhánh, văn phòng đại diện hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ hội. Chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi hội đặt chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Văn phòng, các phòng, ban chuyên môn và các tổ chức có tên gọi khác do hội thành lập để tham mưu giúp ban chấp hành, ban thường vụ hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

3. Liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội hoặc tên gọi khác (sau đây gọi chung là chi hội) là các tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng được thành lập theo quy định của điều lệ hội. Địa điểm sinh hoạt thường xuyên của chi hội phải được ghi rõ trong quyết định thành lập, khi chi hội tổ chức sinh hoạt thì báo cáo chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật về hội họp.

4. Tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ của hội, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động theo quy định tại điều lệ hội:

a) Hội chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ, toàn diện các tổ chức này, đảm bảo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận trong quá trình tổ chức và hoạt động;

b) Điều kiện, thủ tục, hồ sơ thành lập thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Trước khi gửi hồ sơ thành lập đến cơ quan có thẩm quyền, hội có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này tương ứng với phạm vi hoạt động của hội;

c) Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, hội báo cáo việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này tương ứng với phạm vi hoạt động của hội để theo dõi. Hồ sơ gồm:

Quyết định thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân (bản chính);

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản chính hoặc bản sao có chức thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu);

Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (bản chính hoặc bản sao có chức thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu);

Quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật (bản chính).

d) Trường hợp tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động vi phạm pháp luật, không phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này có quyền yêu cầu hội ra quyết định giải thể và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động và thu hồi con dấu của tổ chức này.

5. Việc thành lập, tổ chức lại, sắp xếp, chấm dứt hoạt động của các tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này theo quy định của điều lệ hội phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Khi hội có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này thì các tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này đương nhiên chấm dứt hoạt động, thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

Điều 26. Tài chính, tài sản của hội

1. Tài chính của hội:

a) Nguồn thu của hội:

Phí gia nhập hội, hội phí hàng năm của hội viên;

Thu từ các hoạt động của hội theo quy định của pháp luật;

Tiền viện trợ, tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của hội:

Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của hội;

Chi thực hiện nhiệm vụ được giao (nếu có);

Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;

Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại hội theo quy định của hội phù hợp với quy định của pháp luật;

Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của hội.

2. Tài sản của hội bao gồm trụ sở và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê và điều lệ của hội, đảm bảo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Tài chính, tài sản của hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định tại Điều 36 Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Quy trình hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ được giao

1. Đối với nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền ở trung ương và địa phương giao

a) Căn cứ chủ trương giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền cho hội, hội xây dựng đề án hoặc kế hoạch triển khai (trong đó phải nêu chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ):

Đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh: hội lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động, Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan đến nhiệm vụ được giao ở Trung ương; lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với đề nghị hỗ trợ kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương để thực hiện nhiệm vụ đầu tư công (thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến không quá 15 ngày làm việc);

Đối với hội ở địa phương: hội lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư, các cơ quan liên quan cùng cấp ở địa phương (thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến không quá 15 ngày làm việc).

b) Sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan được lấy ý kiến, hội hoàn chỉnh đề án hoặc kế hoạch triển khai (kèm theo ý kiến của cơ quan được lấy ý kiến):

Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành quyết định giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh;

Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, ban hành quyết định giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã theo phân cấp.

c) Căn cứ quyết định giao nhiệm vụ tại điểm b khoản này:

Hội lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp đối với hỗ trợ từ chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Hội lập kế hoạch đầu tư gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp đối với hỗ trợ chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Đối với nhiệm vụ được bố trí từ kinh phí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia đó.

3. Đối với nhiệm vụ do các bộ, ngành ở trung ương giao cho hội thì nguồn kinh phí hỗ trợ lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan giao nhiệm vụ.

4. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

5. Đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 39 Nghị định này.

Điều 28. Khen thưởng

1. Hội hoạt động có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân, hội viên, người làm việc tại hội có nhiều thành tích thì được hội khen thưởng theo quy định của hội hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 29. Kỷ luật và giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội

1. Hội viên, tổ chức thuộc hội và người làm việc tại hội vi phạm điều lệ, quy chế, quy định của hội do hội xem xét, kỷ luật theo quy định của hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải quyết đơn, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội do ban kiểm tra hội tham mưu, giải quyết theo quy định của điều lệ và quy chế của hội; trường hợp hội không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Hội bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét đình chỉ hoạt động có thời hạn khi phát hiện hội vi phạm một trong những quy định sau:

- a) Vi phạm nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận;
- b) Trong quá trình tổ chức, hoạt động có vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự an toàn xã hội;
- c) Vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý tài sản, tài chính; về tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ;
- d) Không báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động, báo cáo tài chính hàng năm và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này có văn bản đôn đốc nhưng quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đôn đốc hội vẫn không khắc phục;
- đ) Quá 60 ngày làm việc kể từ ngày hội được cấp phép lập văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đối với tổ chức có tư cách pháp nhân tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này hoặc khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội, tổng thư ký, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra hoặc thay đổi trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh của hội mà hội không báo cáo theo quy định;
- e) Quá 60 ngày làm việc mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 có văn bản yêu cầu hội thực hiện một trong

những nghĩa vụ, trách nhiệm quy định tại khoản 3, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 18, khoản 19, khoản 20, khoản 21 Điều 24 Nghị định này mà hội không thực hiện;

g) Quá thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hội giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp liên quan đến hội nhưng hội không giải quyết và không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Báo cáo không đầy đủ, sai lệch thông tin có hệ thống liên quan tình hình hoạt động của hội (bao gồm các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội).

2. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này khi vi phạm một trong các trường hợp:

a) Vi phạm khoản 2 Điều 24 Nghị định này;

b) Tự tổ chức đại hội khi chưa có ý kiến cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này;

c) Quá thời gian gia hạn quy định tại điểm c khoản 4 Điều 19 Nghị định này mà hội không tổ chức đại hội, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng;

d) Không báo cáo về tổ chức, hoạt động và tài chính theo quy định hoặc không công khai báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và kết luận của kiểm toán (nếu có) trong 02 năm liên tục;

đ) Quá thời hạn hội bị đình chỉ hoạt động có thời hạn mà không khắc phục được vi phạm theo quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định này;

e) Hết 180 ngày kể từ ngày có yêu cầu của trên 1/2 tổng số hội viên chính thức đề nghị giải thể hội nhưng ban chấp hành hội không tiến hành thủ tục tự giải thể hội;

g) Hội không đủ số lượng hội viên theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định này đến thời điểm báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ.

3. Người nào vi phạm quyền lập hội, lợi dụng danh nghĩa hội để hoạt động trái pháp luật, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cho phép thành lập hội trái với quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật,

xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V **ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT,** **ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN VÀ GIẢI THỂ HỘI**

Điều 31. Đổi tên hội

1. Việc đổi tên hội do đại hội của hội xem xét, thông qua trừ trường hợp tên hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

2. Tên mới của hội phải đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này, không được gây nhầm lẫn và làm thay đổi lĩnh vực hoạt động chính của hội hoặc gây nhầm lẫn với lĩnh vực hoạt động của các hội đã được thành lập hợp pháp.

3. Hội phải sửa đổi điều lệ hội theo tên mới. Việc đổi tên của hội có hiệu lực sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định này ban hành quyết định cho phép đổi tên và phê duyệt điều lệ hội.

Điều 32. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội

1. Tùy theo yêu cầu và khả năng hoạt động của hội, ban chấp hành hội đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất. Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, pháp luật có liên quan và đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

2. Hồ sơ chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, gồm:

a) Đơn đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội (bản chính); trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật;

b) Đề án chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội đã được ban chấp hành hội thông qua (bản chính), trong đề án gồm có: phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động, hội viên; phân định chức năng, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động; trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện; danh sách ban chấp hành và ban kiểm tra của hội mới;

c) Nghị quyết của ban chấp hành hội về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội (bản chính);

d) Dự thảo điều lệ hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội (bản chính);

đ) Sơ yếu lý lịch cá nhân, phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của nhân sự dự kiến là chủ tịch của hội mới; nhân sự tham gia ban chấp hành của hội mới nếu thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hoặc là cán bộ, công chức, viên chức thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp này nhân sự dự kiến là chủ tịch của hội mới không phải cung cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1);

e) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt trụ sở chính của hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu).

3. Thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội:

a) Hội thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất gửi 01 bộ hồ sơ theo khoản 2 Điều này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực chính hội hoạt động;

b) Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội;

c) Các hội được chia, được sáp nhập, hợp nhất (trừ trường hợp tách hội) chấm dứt tồn tại sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này cho phép chia, sáp nhập, hợp nhất hội. Các quyền và nghĩa vụ của hội chia, sáp nhập, hợp nhất được chuyển giao cho các hội mới. Đối với trường hợp tách hội, thì hội tách và hội mới do tách hội phải cùng nhau chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của hội trước khi tách.

4. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội khi thay đổi địa giới hành chính:

a) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã khi có sự thay đổi về địa giới hành chính do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, ban chấp hành hội xem xét, quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể cho phù hợp với đơn vị hành chính mới, gửi hồ sơ về cơ quan nhà nước có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này; tên của các hội do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất gắn với tên đơn vị hành chính mới;

b) Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền của đơn vị hành chính mới theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể hội.

5. Tổ chức đại hội, phê duyệt điều lệ hội mới do chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội:

a) Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, các hội mới phải tổ chức đại hội để thông qua các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này;

b) Hội báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này để đề nghị phê duyệt điều lệ hội theo thẩm quyền.

Điều 33. Đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hội

1. Hội bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét đình chỉ hoạt động có thời hạn tối đa 180 ngày khi phát hiện hội vi phạm một trong những quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định này.

2. Sau khi có kết luận hội vi phạm tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét, quyết định đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hội.

3. Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, hội chỉ được phép tiến hành các hoạt động để khắc phục hậu quả các vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận.

4. Trong thời hạn đình chỉ hoạt động có thời hạn nếu hội khắc phục được sai phạm, hội lập 01 hồ sơ đề nghị được hoạt động trở lại gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét, quyết định; hồ sơ (bản chính) gồm:

a) Đơn đề nghị được hoạt động trở lại của hội;

b) Báo cáo của ban chấp hành hội và các tài liệu chứng minh hội đã khắc phục sai phạm.

5. Sau khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp pháp theo quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này cho phép hội hoạt động trở lại, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6. Hết thời hạn đình chỉ mà hội không khắc phục được vi phạm thì thời hạn đình chỉ được tự động kéo dài thêm 30 ngày làm việc. Quá thời hạn kéo dài thêm mà hội vẫn không khắc phục được sai phạm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét quyết định gia hạn thêm. Thời gian gia hạn thêm không quá 60 ngày làm việc. Quá thời hạn 60 ngày này mà hội không khắc phục được sai phạm, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giải thể hội.

7. Việc đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi xem xét quyết định đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc cho phép hoạt động trở lại đối với hội theo quy định tại Nghị định này.

Điều 34. Hội tự giải thể

1. Hội tự giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Mục đích đã hoàn thành;
- b) Không còn tài sản, điều kiện đảm bảo cho các hoạt động của hội;
- c) Theo đề nghị của trên 1/2 tổng số hội viên chính thức hoặc nghị quyết của ban chấp hành hội.

2. Hội lập 01 bộ hồ sơ giải thể, gồm:

- a) Đơn đề nghị giải thể hội;
- b) Biên bản có chữ ký của trên 1/2 tổng số hội viên chính thức hoặc nghị quyết của ban chấp hành hội về việc giải thể hội;
- c) Bản kê tài sản, tài chính;
- d) Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ.

3. Hội gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật tại trụ sở của hội, văn phòng đại diện (nếu có) trong thời gian 30 ngày làm việc đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh; tại trụ sở hội trong thời gian 15 ngày làm việc đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này quyết định giải thể hội sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của hội khi xin giải thể mà không có đơn khiếu nại.

5. Hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể hội có hiệu lực. Hội tự giải thể không được phép thành lập lại trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định giải thể hội có hiệu lực thi hành.

Điều 35. Hội bị giải thể

1. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này khi vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

2. Sau khi có kết luận hội vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm:

a) Yêu cầu hội thực hiện kiểm kê tài sản, tài chính; dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật và điều lệ hội;

b) Lấy ý kiến các cơ quan liên quan đến hoạt động của hội về việc giải thể hội;

c) Thông báo về việc chuẩn bị giải thể và thời hạn thanh toán nợ, thanh lý tài sản, tài chính của hội liên tiếp trên 03 số báo viết hoặc báo điện tử ở trung ương đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã.

3. Sau khi hội hoàn thành việc thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này quyết định giải thể hội.

4. Trường hợp hội bị giải thể mà không đồng ý với quyết định giải thể, thì hội có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, hội không được hoạt động.

5. Hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định giải thể hội có hiệu lực.

6. Hội bị giải thể không được phép thành lập lại trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định giải thể hội có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

7. Khi thực hiện giải thể hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi xem xét, quyết định giải thể hội theo quy định tại Điều này.

Điều 36. Giải quyết tài sản, tài chính khi hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể và thu hồi con dấu của hội

1. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi chia, tách:

a) Sau khi chia hội, hội bị chia chấm dứt hoạt động, quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao cho hội mới theo quyết định chia hội;

b) Sau khi tách, các hội thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính của mình phù hợp với mục đích hoạt động của hội đó.

2. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi sáp nhập:

a) Hội được sáp nhập vào hội khác, thì tài sản, tài chính của hội được sáp nhập chuyển giao cho hội sáp nhập;

b) Hội sáp nhập được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản, tài chính hiện có, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán về tài sản, tài chính và các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện của hội được sáp nhập.

3. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội hợp nhất:

a) Sau khi hợp nhất hội thành hội mới, các hội hợp nhất chấm dứt tồn tại, hội mới được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ mà các hội hợp nhất đang thực hiện;

b) Tài sản, tài chính của các hội hợp nhất không được phân chia, chuyển dịch mà được chuyển giao toàn bộ cho hội mới.

4. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội bị đình chỉ hoạt động có thời hạn:

Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, hội chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ phận thường trực giúp việc hội hoạt động đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Giải quyết tài sản, tài chính khi hội giải thể:

a) Không được phân chia tài sản của hội. Việc bán, thanh lý tài sản của hội thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Toàn bộ số tiền hiện có của hội và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của hội được thanh toán theo thứ tự sau:

Chi phí giải thể hội;

Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

Nợ thuế và các khoản phải trả khác.

c) Đối với tài sản, tài chính tự có của hội và tài sản, tài chính của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước tài trợ, viện trợ còn lại của hội do cơ quan thuộc cấp nào cho phép thành lập thì được nộp vào ngân sách cấp đó. Đối với tài sản do ngân sách nhà nước cấp hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (nếu có) hội thực hiện chuyển giao cho cơ quan tài chính cùng cấp tương ứng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này để thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

a) Đối với tài sản của hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

b) Đối với tài sản của hội được hình thành từ nguồn tự có của hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và điều lệ của hội.

7. Việc thu hồi con dấu của hội:

Việc thu hồi con dấu đối với hội đổi tên, hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI
MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁC HỘI DO ĐẢNG,
NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ

Điều 37. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc được xác định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền ở tỉnh trên cơ sở các hội đã được giao biên chế, cấp hoặc hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động, được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thường xuyên, phù hợp với quy định của Đảng và điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của địa phương.

3. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện các quy định chung tại Nghị định này và quy định riêng tại Chương VI này.

Điều 38. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hội

1. Quyền của hội:

a) Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của hội;

c) Được giao thực hiện một số hoạt động chuyên môn, dịch vụ công phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định;

d) Tham gia tư vấn, phản biện chính sách, chương trình, đề tài, dự án theo đề nghị của cơ quan nhà nước. Chủ trì hoặc tham gia đề tài, đề án liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội;

đ) Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao;

e) Được tổ chức một số hoạt động kinh tế; tiếp nhận nguồn lực hợp pháp trong nước và ngoài nước gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ được giao; quan hệ hợp tác với tổ chức, cá nhân; tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân và một số cơ chế hợp tác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ, trách nhiệm của hội:

a) Phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội; tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, tăng cường đồng thuận xã hội;

b) Tổ chức hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của hội; chỉ đạo, quản lý chặt chẽ hoạt động của các pháp nhân trực thuộc hội; quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản được giao, các loại quỹ theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ hội; chấp hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng;

c) Phát triển, tập hợp, đoàn kết hội viên trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; đại diện, bảo vệ, phản ánh, kiến nghị, phối hợp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, các tầng lớp Nhân dân;

d) Định kỳ 06 tháng, 01 năm và khi có yêu cầu gửi báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến các cấp có thẩm quyền theo quy định, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp (nếu hội là tổ chức thành viên), cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động;

đ) Xin ý kiến cấp có thẩm quyền theo quy định về chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường; mời đại diện cấp có thẩm quyền theo quy định dự họp đảng đoàn (đối với hội có đảng đoàn), dự họp ban thường vụ (đối với hội không có đảng đoàn);

e) Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể hội theo như quy định tại Chương V Nghị định này phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền;

g) Việc thay đổi trụ sở, mở văn phòng đại diện, thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và thông báo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền theo quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội;

h) Xây dựng chương trình, kế hoạch hằng năm, trong đó phải xác định rõ chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo hội trước ngày 30 tháng 6.

Điều 39. Chính sách của Nhà nước đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, bao gồm:

a) Chi lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác theo quy định đối với người trong độ tuổi lao động được phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội;

b) Chế độ thù lao cho những người đã nghỉ hưu giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách của hội;

c) Chi thực hiện hoạt động thường xuyên tính theo định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể như cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương theo số biên chế được giao;

d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền tại Điều 8 Nghị định này giao;

đ) Cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động theo quy định pháp luật về đất đai, pháp luật về tài sản công, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

e) Hội lập dự toán kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ theo điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính.

2. Quy trình giao nhiệm vụ và hỗ trợ kinh phí đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương:

a) Đối với nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của hội đã có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo hội trong đó xác định rõ nhiệm vụ được ngân sách nhà nước hỗ trợ (chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ), hội lập dự toán gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Đối với nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao cho hội nhưng chưa có trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm, trường hợp cấp có thẩm quyền đã giao chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ, hội lập dự toán kinh phí gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Trường hợp nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao chưa chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ; hội xây dựng đề án hoặc kế hoạch triển khai (trong đó nêu chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ), gửi lấy ý kiến cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động chính, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan đến nhiệm vụ được giao (thời hạn trả lời không quá 15 ngày làm việc). Sau khi có ý kiến của các cơ quan, hội tiếp thu, hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ quyết định.

Căn cứ ý kiến của cấp có thẩm quyền, hội lập dự toán gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

c) Đối với nhiệm vụ theo điểm a, điểm b khoản này được hỗ trợ, sử dụng vốn đầu tư công thì hội thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

d) Đối với nhiệm vụ do các bộ, ngành ở trung ương giao cho hội thì nguồn kinh phí hỗ trợ lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan giao nhiệm vụ;

đ) Đối với nhiệm vụ được bố trí từ kinh phí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia đó.

3. Đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương thì căn cứ nội dung hỗ trợ kinh phí tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Việc hỗ trợ cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc; ngân sách địa phương đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã) và khả năng huy động các nguồn lực tài chính của các hội.

Điều 40. Chính sách, chế độ đối với người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Người làm việc thường xuyên tại hội gồm: chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách; người làm việc tại đơn vị tham mưu, giúp việc trong biên chế được giao; người làm việc theo hợp đồng.

2. Chế độ tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với người làm việc thường xuyên tại hội:

a) Người trong độ tuổi lao động được cấp có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

b) Người làm việc tại hội là người đã nghỉ hưu và người làm việc tại hội trong độ tuổi lao động không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Chế độ tiền lương, phụ cấp, chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ thù lao, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách khác:

a) Người trong độ tuổi lao động có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho hội thì được hưởng chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức và thực hiện chế độ nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

b) Người làm việc tại hội không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này và khoản 4 Điều này, được hưởng tiền công và chế độ, chính sách khác do hội quyết định phù hợp với yêu cầu công việc và nguồn tài chính hợp pháp của hội, bảo đảm tương quan hợp lý trong nội bộ hội và theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách hội được hưởng chế độ thù lao theo quy định của pháp luật.

5. Kinh phí chi trả thù lao cho các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm cho hội.

Điều 41. Các cơ quan lãnh đạo hội

1. Đại hội toàn quốc:

a) Đại hội toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội, được tổ chức theo nhiệm kỳ 05 năm một lần hoặc bất thường trong trường hợp cần thiết. Ban chấp hành đương nhiệm triệu tập đại hội sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tổ chức đại hội, văn kiện và nhân sự trình đại hội. Đại hội chỉ được tiến hành khi có trên 2/3 đại biểu triệu tập có mặt. Đại hội bất thường được tiến hành khi có kiến nghị của trên 2/3 thành viên ban chấp hành hội đương nhiệm và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện đối với đại biểu tham dự đại hội do ban chấp hành triệu tập quyết định; việc công nhận, không công nhận tư cách đại biểu do đại hội quyết định;

b) Nhiệm vụ của đại hội:

Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ qua, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới;

Thảo luận đổi tên hội (nếu có); thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng điều lệ hiện hành;

Thông qua đề án nhân sự đại hội do ban chấp hành đương nhiệm trình;

Bầu ban chấp hành nhiệm kỳ mới;

Các vấn đề khác theo quy định của điều lệ hội;

Thông qua nghị quyết đại hội.

2. Ban chấp hành, ban thường vụ hội:

a) Ban chấp hành hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ đại hội. Ban thường vụ là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ họp ban chấp hành;

b) Nhiệm vụ của ban chấp hành hội:

Xây dựng đề án nhân sự đại hội, dự kiến cụ thể số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực hội và ban kiểm tra nhiệm kỳ mới;

Bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra;

Các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thường trực hội gồm chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách là cơ quan điều hành công việc hàng ngày của hội.

Điều 42. Chủ tịch, phó chủ tịch và quy trình nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, chủ tịch, phó chủ tịch hội

1. Chủ tịch hội phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của khoản 7 Điều 22 Nghị định này và quy định của cấp có thẩm quyền về sức khỏe, độ tuổi, nhiệm kỳ.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện đối với chủ tịch hội, hội quy định tiêu chuẩn, điều kiện đối với phó chủ tịch hội và đảm bảo độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Quy trình nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, chủ tịch, phó chủ tịch hội thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Số lượng phó chủ tịch hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc được quy định như sau:

- a) Hội có đảng đoàn bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách;
- b) Hội không có đảng đoàn được bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách;
- c) Theo yêu cầu hoạt động, có thể bố trí một số phó chủ tịch không chuyên trách, số lượng do hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Số lượng phó chủ tịch hội chuyên trách tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh không quá 02 người, trong phạm vi huyện không quá 01 người.

**Chương VII
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỘI****Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ**

1. Xây dựng trình hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hội.
2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương, hội và tổ chức, công dân thi hành pháp luật về hội.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc có đảng đoàn. Thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này. Lấy ý kiến bằng văn bản các bộ, ngành có liên quan đến hoạt động của hội khi giải quyết các thủ tục về hội thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của hội.

5. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về hội.

6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và kiểm tra việc thực hiện điều lệ hội theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ; trừ các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ và hoạt động của tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội.

7. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính của bộ và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc bộ theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

9. Giúp Chính phủ quản lý biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền.

10. Phê duyệt các khoản viện trợ, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của hội do Bộ Nội vụ quyết định cho phép thành lập, phê duyệt Điều lệ hội theo quy định của pháp luật.

11. Tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

12. Xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội; cập nhật cơ sở dữ liệu hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hội trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định của pháp luật. Tổ chức lấy ý kiến của hội để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan đến hoạt động của hội trước khi xem xét, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội.

3. Tham gia ý kiến bằng văn bản về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi giải quyết các thủ tục về hội tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này; hướng dẫn, tạo điều kiện để hội tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường.

4. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hội tham gia các hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành; hướng dẫn hội tham gia chương trình dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ công, đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động cho các tổ chức có tư cách pháp nhân (nếu có) tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này và quản lý chặt chẽ các tổ chức này theo quy định của pháp luật.

5. Lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này trước khi cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động cho tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này.

6. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của hội liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định của pháp luật.

7. Thanh tra, kiểm tra hoạt động của hội thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, trong đó bao gồm các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội do bộ, ngành cấp phép; xử lý, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động cho tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm có liên quan đến quyết định hành chính của bộ, cơ quan ngang bộ và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức của đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ liên quan đến hội theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

9. Phối hợp với hội và các cơ quan có liên quan đề xuất cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội và phù hợp với chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động.

10. Thông báo bằng văn bản với Bộ Nội vụ khi có quyết định giao cho hội tham gia các hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ và khi hỗ trợ kinh phí đối với hội do Bộ Nội vụ cho phép thành lập, phê duyệt Điều lệ hội.

11. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình hoạt động của hội thuộc sự quản lý chuyên ngành về lĩnh vực hoạt động chính của hội.

12. Phối hợp trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên hỗ trợ các hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Chủ trì và phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra tài chính, tài sản hội từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.

Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Công an

Chịu trách nhiệm phòng ngừa, đấu tranh với hoạt động vi phạm pháp luật của hội và thực hiện quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với hoạt động của hội; hướng dẫn thủ tục đăng ký mẫu con dấu của hội.

Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về báo chí đối với các cơ quan báo, tạp chí thuộc hội được thành lập theo quy định của pháp luật về báo chí; có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo cơ quan báo chí thuộc hội theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội, tổ chức, hoạt động của hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã ở địa phương

và kiến nghị xử lý vi phạm (nếu có) đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương.

2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các hội và tổ chức, công dân tại địa phương thi hành pháp luật về hội.

3. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc quản lý hội.

4. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về hội ở địa phương.

5. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của hội ở địa phương theo quy định của pháp luật.

6. Quy định, hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động của hội ở địa phương; ban hành cơ chế chính sách để hội tham gia thực hiện một số dịch vụ công, cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

7. Xem xét và cho phép hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã nhận viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ của các hội ở địa phương theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền.

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm có liên quan đến quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức của đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến hội theo quy định của pháp luật.

10. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã, trong đó có hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt tại địa phương.

11. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội.

12. Quản lý các hoạt động đối ngoại, hội nghị, hội thảo quốc tế do hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã tổ chức ở địa phương.

13. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về kế toán; kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã.

14. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý; phối hợp trong xây dựng, vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã.

15. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng hội, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật.

5. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội.

6. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

7. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động phạm vi huyện, xã.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Quy định mẫu trình bày văn bản

1. Danh mục các mẫu trình bày văn bản áp dụng cho các hội và tổ chức, công dân Việt Nam (Phụ lục II).

2. Danh mục các mẫu trình bày văn bản áp dụng cho cơ quan quản lý nhà nước về hội (Phụ lục III).

Điều 52. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ về giải quyết các thủ tục về hội trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đã bầu số lượng phó chủ tịch chuyên trách vượt quá số lượng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 42 Nghị định này trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ hiện tại của hội, khi khuyết số lượng phó chủ tịch chuyên trách thì không bầu bổ sung để đảm bảo phù hợp với số lượng phó chủ tịch chuyên trách theo quy định của Nghị định này.

3. Điều lệ của các hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hội tiếp tục sử dụng điều lệ này đến hết nhiệm kỳ. Sau đó sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Nghị định này.

4. Các đơn vị sự nghiệp thuộc hội đang được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi hoạt động thì tiếp tục hỗ trợ đến hết năm 2026. Từ năm 2027 các tổ chức này thực hiện theo nguyên tắc tự chủ, tự đảm bảo kinh phí hoạt động.

Điều 53. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2024 và thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù và Quyết định số 71/2011/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hội có tính chất đặc thù.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình

Phụ lục I
DANH SÁCH HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ
(Kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP
ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ)

1. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam
2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
3. Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam
4. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
5. Hội Nhà văn Việt Nam
6. Hội Nhà báo Việt Nam
7. Hội Luật gia Việt Nam
8. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
9. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
10. Liên đoàn Luật sư Việt Nam
11. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam
12. Hội Nhạc sĩ Việt Nam
13. Hội Điện ảnh Việt Nam
14. Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam
15. Hội Kiến trúc sư Việt Nam
16. Hội Mỹ thuật Việt Nam
17. Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam
18. Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam
19. Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam
20. Hội Người cao tuổi Việt Nam
21. Hội Người mù Việt Nam
22. Hội Đông y Việt Nam
23. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam
24. Tổng hội Y học Việt Nam
25. Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam
26. Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam
27. Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam
28. Hội Khuyến học Việt Nam
29. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam
30. Hội Xuất bản Việt Nam

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC MẪU TRÌNH BÀY VĂN BẢN ÁP DỤNG
CHO HỘI VÀ TỔ CHỨC, CÔNG DÂN VIỆT NAM

*(Kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP
ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Đơn công dân Việt Nam đăng ký tham gia hội
Mẫu số 02	Đơn tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia hội
Mẫu số 03	Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội
Mẫu số 04	Đơn đề nghị thành lập hội
Mẫu số 05	Công văn báo cáo kết quả đại hội
Mẫu số 06	Công văn báo cáo đặt chi nhánh, văn phòng đại diện
Mẫu số 07	Công văn báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của hội
Mẫu số 08	Công văn báo cáo thay đổi chức danh lãnh đạo hội
Mẫu số 09	Điều lệ hội
Mẫu số 10	Đơn đề nghị tách hội
Mẫu số 11	Đơn đề nghị chia hội
Mẫu số 12	Đơn đề nghị sáp nhập hội
Mẫu số 13	Đơn đề nghị hợp nhất hội
Mẫu số 14	Đơn đề nghị giải thể hội
Mẫu số 15	Đơn đề nghị đặt chi nhánh, văn phòng đại diện
Mẫu số 16	Báo cáo hoạt động hội
Mẫu số 17	Sơ yếu lý lịch cá nhân

Mẫu số 01. Đơn công dân Việt Nam đăng ký tham gia hội**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐĂNG KÝ**
Tham gia Hội...(1)...

Kính gửi:...(2)....

Sau khi nghiên cứu tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động của Hội...(1)...., tôi tán thành và tự nguyện làm đơn này để đăng ký tham gia làm hội viên...(3)... của Hội.

1. Họ và tên:.....
2. Sinh ngày:.....; nghề nghiệp:
3. Địa chỉ thường trú:.....
4. Số căn cước công dân:.....
5. Điện thoại:.....
6. Địa chỉ liên hệ:.....

Trân trọng đề nghị...(2).... xem xét, đồng ý để tôi tham gia Hội.

..., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội dự kiến thành lập hoặc tên hội đã được thành lập hợp pháp.
- (2) Tên ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc tên hội đã được thành lập hợp pháp.
- (3) Ghi rõ là hội viên chính thức, hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự.

Mẫu số 02. Đơn tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia hội**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐĂNG KÝ**
Tham gia Hội...(1)...

Kính gửi:...(2)....

Sau khi nghiên cứu tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động của Hội...(1)...., chúng tôi tán thành và tự nguyện làm đơn này đăng ký tham gia làm hội viên.....(3)..... của Hội.

1. Thông tin cơ bản về tổ chức

a) Tên:.....

b) Địa chỉ:.....

c) Số Giấy phép hoạt động (điều lệ):..... do..... cấp ngày... tháng... năm....

d) Người đại diện theo pháp luật:.....

2. Người đại diện tổ chức tham gia Hội

a) Họ và tên:.....; Chức vụ:.....

b) Địa chỉ:.....

c) Số điện thoại:.....

Trân trọng đề nghị...(2)... xem xét, đồng ý để chúng tôi tham gia Hội.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT, ...

..., ngày... tháng... năm...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên hội dự kiến thành lập.

(2) Tên ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc tên hội đã được thành lập hợp pháp.

(3) Ghi rõ là hội viên chính thức, hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự.

Mẫu số 03. Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Công nhận Ban Vận động thành lập Hội...(1)...**

Kính gửi:...(2)....

Tôi là... đại diện những người sáng lập (Ban Sáng lập) Hội...(1)... trân trọng đề nghị...(2)... xem xét, quyết định công nhận Ban Vận động thành lập Hội...(1)... như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở công nhận

1. Sự cần thiết

..... (3).....

2. Cơ sở

..... (4).....

II. Tên, tôn chỉ, mục đích

1. Tên Hội:

..... (5).....

2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

..... (6).....

III. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính

..... (7).....

IV. Dự kiến thời gian chuẩn bị thành lập hội và nơi tạm thời làm địa điểm hội họp

.....

V. Hồ sơ gồm:

..... (8).....

Thông tin khi cần liên hệ:

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Ban Sáng lập Hội đề nghị...(2)... xem xét, quyết định công nhận Ban Vận động thành lập Hội...(1)....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Ban Sáng lập Hội.

..., ngày... tháng... năm...

TM. BAN SÁNG LẬP HỘI*(Chữ ký)***Họ và tên**

Ghi chú:

- (1) Tên hội dự kiến thành lập.
- (2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội.
- (3) Khái quát thực trạng lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sự cần thiết thành lập hội.
- (4) Nêu rõ việc đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội phù hợp quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
- (5) Tên gọi bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có), tên viết tắt (nếu có) phù hợp với lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và quy định của pháp luật.
- (6) Xác định cụ thể tôn chỉ, mục đích phù hợp tên gọi và quy định của pháp luật.
- (7) Xác định cụ thể phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội dự kiến hoạt động phù hợp tên gọi, quy định của pháp luật.
- (8) Hồ sơ theo quy định tại Nghị định này và các tài liệu có liên quan (nếu có).

Mẫu số 04. Đơn đề nghị thành lập hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thành lập Hội...(1)...

Kính gửi:...(2)...

Ban vận động thành lập Hội...(1)... trân trọng đề nghị...(2)... xem xét, cho phép thành lập Hội...(1)... như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở thành lập

1. Sự cần thiết

..... (3).....

2. Cơ sở

..... (4).....

II. Tên hội, tôn chỉ, mục đích

1. Tên Hội:

..... (5).....

2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

..... (6).....

III. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động và nhiệm vụ, quyền hạn

1. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

..... (7).....

2. Nhiệm vụ, quyền hạn

..... (8).....

IV. Tài sản, tài chính và trụ sở ban đầu:

1. Tài sản, tài chính đóng góp:.....

2. Nơi dự kiến đặt trụ sở của Hội:.....

V. Hồ sơ, gồm:

..... (9).....

Thông tin khi cần liên hệ của đại diện Ban vận động thành lập hội:

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Ban Vận động thành lập Hội đề nghị...(2)... xem xét, quyết định cho phép thành lập Hội...(1)....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

..., ngày... tháng... năm...

TM. BAN VẬN ĐỘNG

TRƯỞNG BAN

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội dự kiến thành lập.
- (2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội.
- (3) Khái quát thực trạng lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sự cần thiết thành lập hội.
- (4) Bảo đảm theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan (nếu có).
- (5) Tên gọi bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có), tên viết tắt (nếu có) phù hợp với lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và quy định của pháp luật.
- (6) Xác định cụ thể tôn chỉ, mục đích phù hợp tên gọi và quy định của pháp luật.
- (7) Xác định cụ thể phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội dự kiến hoạt động phù hợp tên gọi, quy định của pháp luật.
- (8) Nêu các nhiệm vụ, quyền hạn của hội phù hợp tên gọi và quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
- (9) Theo quy định tại Nghị định này và tài liệu liên quan (nếu có).

Mẫu số 05. Công văn báo cáo kết quả đại hội

...(1)...

 Số: .../... (2)...
 V/v báo cáo kết quả Đại hội , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: ... (3)...

Ngày... tháng... năm..., Đại hội thành lập (Đại hội nhiệm kỳ... hoặc Đại hội bất thường) Hội...(1)... đã được tổ chức tại..., Đại hội đã thảo luận và thông qua nội dung sau:

.....(4).....

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....(5).....

Tài liệu khác có liên quan (nếu có)

Hội...(1)... báo cáo kết quả Đại hội với...(3)... và đề nghị xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu:...

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội.
- (2) Viết tắt tên hội.
- (3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội.
- (4) Những nội dung đã được Đại hội thảo luận, thông qua.
- (5) Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

Mẫu số 06. Công văn báo cáo đặt chi nhánh, văn phòng đại diện

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... /...(2)...

V/v đặt chi nhánh hoặc
văn phòng đại diện của Hội

....., ngày... tháng... năm...

Kính gửi:...(3)...

Ủy ban nhân dân...(4)... đã có Quyết định số... ngày... tháng... năm... cho phép Hội...(1)...
đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Trưởng Chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (nếu có):.....

Thực hiện quy định của pháp luật về hội, Hội...(1)... trân trọng báo cáo với...(3)... về
việc Hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Hội tại...(4)... (có bản sao Quyết định
kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu...

TM. BAN THƯỜNG VỤ**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên hội.

(2) Viết tắt tên hội.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hội.

(4) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn
phòng đại diện.

Mẫu số 07. Công văn báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...(2)...

V/v thay đổi địa chỉ nơi đặt
trụ sở của Hội

....., ngày... tháng... năm...

Kính gửi:...(3)...

Hội ...(1)... thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ của Hội như sau:

Địa chỉ nơi đặt trụ sở mới:.....(4).....

Điện thoại, fax (nếu có):.....

Thực hiện quy định của pháp luật về hội, Hội...(1)... trân trọng báo cáo với...(3)...
về việc Hội đã thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của Hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu:...

TM. BAN THƯỜNG VỤ**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Tên hội.
- (2) Viết tắt tên hội.
- (3) Cơ quan nhà nước quy định tại Nghị định này.
- (4) Ghi chi tiết, cụ thể nơi đặt trụ sở mới của hội.

Mẫu số 08. Công văn báo cáo thay đổi chức danh lãnh đạo hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../...(2)...

V/v thay đổi chức danh lãnh đạo

....., ngày... tháng... năm...

Kính gửi:...(3)...

Hội đã thay đổi các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch, tổng thư ký, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra của Hội như sau (4):

1. Ông (bà):.....; chức vụ:.....
2. Ông (bà):.....; chức vụ:.....
3. Ông (bà):.....; chức vụ:.....

...

Tài liệu gửi kèm theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này.

Thực hiện quy định pháp luật về hội, Hội trân trọng báo cáo với...(3)... về việc thay đổi chức danh lãnh đạo của Hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu:...

TM. BAN THƯỜNG VỤ**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Tên hội.
- (2) Tên viết tắt của hội.
- (3) Cơ quan nhà nước quy định tại Nghị định này.
- (4) Ghi cụ thể các trường hợp thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch theo quy định của điều lệ hội.

Mẫu số 09. Điều lệ hội (*)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐIỀU LỆ HỘI...(2)...***(Kèm theo Quyết định số.../QĐ- ...
ngày... tháng... năm... của...)***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

1. Tên tiếng Việt:.....
2. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):.....
3. Tên viết tắt (nếu có):.....
4. Biểu tượng (nếu có):.....

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội...(2)... (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức...(3)... của...(4)..., tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại.....

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi...(5)..., về lĩnh vực...(6)...
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của...(7)..., sự quản lý của...(8)... và các bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động (9).
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI**

Điều 6. Quyền của Hội

Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định này để quy định cụ thể.

Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ căn cứ các quy định chung tại Điều 23 Nghị định này và quy định riêng tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này để quy định cụ thể.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

Căn cứ quy định tại Điều 24 Nghị định này để quy định cụ thể.

Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ căn cứ các quy định chung tại Điều 24 Nghị định này và quy định riêng tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này để quy định cụ thể.

Chương III **HỘI VIÊN**

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết (nếu có).....(10).....

c) Hội viên danh dự (nếu có).....(11).....

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:.....(12).....

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

10.....

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

6.....

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

.....(13).....

Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành (hoặc tên gọi khác).
3. Ban Thường vụ (hoặc tên gọi khác).
4. Ban Kiểm tra.
5. Các tổ chức thuộc Hội (14).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức...(15)... một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;

b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;

d) Thông qua điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội (16);

h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra (17); bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá... số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (18) đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (19) đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên... tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có... thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên... tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp... lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên... tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có... thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên... tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu (20). Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

c)

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 17.(21).....

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội (hoặc tên gọi khác)

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hội hoạt động;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

-(22).....

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

-(23).....

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Số lượng Phó Chủ tịch hội..... (24).....

5. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 19.....(25).....

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 20. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác;
- b) Các khoản chi của Hội:
 - Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
 - Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);
 - Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;
 - Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

- a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;
- b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội

Căn cứ quy định tại Điều 36 Nghị định này để quy định cụ thể.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức:.....(26).....

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội thông qua khi có trên.... tổng số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội...(2)... gồm... Chương... Điều đã được Đại hội...(27)... Hội...(2)... thông qua ngày... tháng... năm... tại... và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của... (28)...

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội...(2)... có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này.

Ghi chú:

(*) Mẫu này hướng dẫn nội dung chính của điều lệ hội; nếu sửa đổi, bổ sung thì ghi: Điều lệ (sửa đổi, bổ sung). Căn cứ quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan; căn cứ tính chất, phạm vi, lĩnh vực hoạt động, tổ chức của hội, hội có thể bổ sung quy định cho phù hợp.

(1) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt điều lệ.

(2) Tên hội.

(3) Ghi rõ hội là tổ chức chính trị - xã hội hoặc chính trị - xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội - nghề nghiệp hoặc xã hội....

(4) Ghi rõ đối tượng tập hợp của hội.

(5) Ghi rõ phạm vi hoạt động của hội: toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, trong huyện, trong xã,....

(6) Ghi rõ lĩnh vực hoạt động chính của hội.

(7) Cơ quan nhà nước cho phép thành lập hội.

(8) Cơ quan nhà nước quản lý lĩnh vực hoạt động chính của hội.

(9) Trừ các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (được hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao).

(10) (11) Quy định cụ thể hội viên liên kết, hội viên danh dự (nếu có) phù hợp với quy định tại Nghị định này.

(12) Quy định cụ thể tiêu chuẩn hội viên chính thức của hội.

(13) Quy định cụ thể thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội đối với hội viên.

(14) Căn cứ tình hình thực tế, hội quy định cụ thể các tổ chức thuộc hội theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

(15) Quy định cụ thể nhiệm kỳ đại hội của hội nhưng không quá 05 năm.

(16), (18), (19), (20) Nếu là hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thì Ban kiểm tra do Ban chấp hành bầu. Bầu Ban kiểm tra thực hiện theo quy định của Nghị định này.

(17) Nếu là hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thì bổ sung: “Việc bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với chủ tịch và phó chủ tịch hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến trước khi thực hiện”.

(21) Các tổ chức thuộc hội căn cứ Điều 25 Nghị định này để quy định cụ thể.

(22), (23) Hội quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ của chủ tịch hội.

(24) Hội quy định: (i) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; (ii) Hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh được bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; (iii) Hội hoạt động trong phạm vi cấp huyện được bầu 01 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; (iv) Hội hoạt động trong phạm vi cấp xã được bầu 01 phó chủ tịch chuyên trách. Số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do hội tự quyết định nhưng không quá 02 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách; trừ hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

(25) Các chức danh khác: Tổng thư ký, ... (nếu có).

(26) Ghi rõ các hình thức kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ....

(27) Đại hội thành lập hoặc đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu lần thứ... hoặc đại hội bất thường.

(28) Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội phê duyệt Điều lệ: Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện theo phân cấp.

Mẫu số 10. Đơn đề nghị tách hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Tách Hội...(1)... thành Hội... (1)... và Hội...(2)...

Kính gửi:...(3).....

Theo quy định của Nghị định số.../.../ND-CP ngày.... tháng.... năm.... của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Hội...(1)... thông qua việc tách Hội...(1)... thành Hội...(1)... và Hội...(2)... như sau:

1. Lý do tách hội

.....(4).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(5).....

Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Hội...(1)... đề nghị...(3)... xem xét, quyết định cho phép tách Hội...(1)... thành Hội...(1)... và Hội...(2)....

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu:...

..., ngày... tháng... năm...

TM. BAN CHẤP HÀNH

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội bị tách.

(2) Tên hội được thành lập mới do tách hội.

(3) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tách hội.

(4) Nêu rõ lý do, sự cần thiết phải tách hội và việc tách phù hợp quy định của pháp luật.

(5) Theo Nghị định này.

Mẫu số 11. Đơn đề nghị chia hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chia Hội...(1)... thành Hội...(2)... và Hội...(3)...

Kính gửi:...(4)...

Theo quy định của Nghị định số.../.../NĐ-CP ngày.... tháng.... năm.... của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Hội...(1)... thông qua việc chia Hội thành Hội...(2)... và Hội...(3)... như sau:

1. Lý do chia hội

.....(5).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(6).....

Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Hội...(1)... đề nghị...(4)... xem xét, quyết định cho phép chia Hội...(1)... thành Hội...(2)... và Hội...(3)....

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu:...

..., ngày ... tháng... năm...

TM. BAN CHẤP HÀNH

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên hội bị chia.

(2) (3) Tên hội được thành lập mới do chia.

(4) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chia hội.

(5) Nêu rõ lý do, sự cần thiết phải chia hội và việc chia hội phù hợp quy định của pháp luật.

(6) Theo Nghị định này.

Mẫu số 12. Đơn đề nghị sáp nhập hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Sáp nhập Hội...(1)... vào Hội...(2)...

Kính gửi:...(3)...

Theo quy định của Nghị định số.../.../ND-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Hội...(1)... và Hội...(2)... đã thông qua việc sáp nhập Hội...(1)... vào Hội...(2)... như sau:

1. Lý do sáp nhập hội

.....(4).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(5).....

Các tài liệu có liên quan (nếu có)

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị...(3)... xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Hội...(1)... vào Hội...(2)....

..., ngày... tháng... năm...

Nơi nhận:	TM. BAN CHẤP HÀNH HỘI...(1)...	TM. BAN CHẤP HÀNH HỘI...(2)...
- Như trên;	CHỦ TỊCH	CHỦ TỊCH
- ...;	<i>(Chữ ký, dấu)</i>	<i>(Chữ ký dấu)</i>
- Lưu:...	Họ và tên	Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội bị sáp nhập.
- (2) Tên hội được sáp nhập.
- (3) Cơ quan có thẩm quyền cho phép sáp nhập hội.
- (4) Nêu rõ lý do, sự cần thiết sáp nhập hội và việc sáp nhập phù hợp quy định của pháp luật.
- (5) Theo Nghị định này.

Mẫu số 13. Đơn đề nghị hợp nhất hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hợp nhất Hội...(1)... và Hội...(2)... thành Hội...(3)...**

Kính gửi:...(4)...

Theo quy định của Nghị định số.../.../NĐ-CP ngày.... tháng.... năm.... của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Hội...(1)... và Hội...(2)... đã thông qua việc hợp nhất Hội...(1)... và Hội...(2)... thành Hội...(3)... như sau:

1. Lý do sáp nhập hội

.....(5).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(6).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị...(4)... xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Hội...(1)... và Hội...(2)... thành Hội...(3)....

..., ngày... tháng... năm...

Nơi nhận: **TM. BAN CHẤP HÀNH HỘI...(1)...** **TM. BAN CHẤP HÀNH HỘI...(2)...**

- Như trên;

CHỦ TỊCH**CHỦ TỊCH**

- ...;

*(Chữ ký, dấu)**(Chữ ký, dấu)*

- Lưu:...

Họ và tên**Họ và tên****Ghi chú:**

(1) (2) Tên hội bị hợp nhất.

(3) Tên hội thành lập mới do hợp nhất.

(4) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hợp nhất hội.

(5) Nêu rõ lý do, sự cần thiết hợp nhất hội và việc hợp nhất phù hợp quy định của pháp luật.

(6) Theo Nghị định này.

Mẫu số 14. Đơn đề nghị giải thể hội**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
Giải thể Hội...(1)...

Kính gửi:...(2)...

Theo quy định của Nghị định số.../.../ND-CP ngày.... tháng.... năm.... của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Hội...(1)... đã thông qua việc giải thể như sau:

1. Lý do giải thể hội

.....(3).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(4).....

- Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Hội...(1)... đề nghị...(2)... xem xét, quyết định giải thể Hội.

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu:...

..., ngày... tháng... năm...

TM. BAN CHẤP HÀNH**CHỦ TỊCH***(Chữ ký, đóng dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên hội đề nghị giải thể.

(2) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể hội.

(3) Nêu rõ lý do giải thể hội và việc giải thể phù hợp quy định của pháp luật.

(4) Theo Nghị định này.

Mẫu số 15. Đơn đề nghị đặt chi nhánh, văn phòng đại diện**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN XIN PHÉP**
Đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện

Kính gửi: Ủy ban nhân dân...(1)...

Hội...(2)... báo cáo Ủy ban nhân dân...(1)... xem xét, cho phép Hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Hội tại...(1)... như sau:

1. Sự cần thiết đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện

.....(3).....

2. Hồ sơ gồm:

.....(4).....

Thông tin liên hệ:

Họ và tên:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Hội...(2)... đề nghị Ủy ban nhân dân...(1)... xem xét, cho phép Hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu:...

..., ngày... tháng... năm...

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương.
- (2) Tên hội đề nghị đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.
- (3) Nêu rõ sự cần thiết đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và địa chỉ dự kiến nơi đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.
- (4) Hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

Mẫu số 16. Báo cáo hoạt động hội

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../BC-...(2)...

..., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
NĂM...**

Thực hiện quy định của pháp luật, Hội...(1)... báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội năm... như sau:

1. Về tổ chức của Hội

a) Về hội viên:

Tổng số hội viên:.....

Trong đó:

Hội viên tổ chức:.....

Hội viên cá nhân:.....

Số hội viên mới kết nạp trong năm:.....

Trong đó:

Hội viên tổ chức:.....

Hội viên cá nhân:.....

b) Những người làm việc chuyên trách tại Hội:.....

Trong đó: Số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao (nếu có):.....

c) Số lượng các tổ chức thuộc Hội (trong đó làm rõ số thành lập mới trong năm báo cáo)

- Tổ chức có tư cách pháp nhân:.....

- Phòng, ban, đơn vị thuộc:.....

- Tổ chức cơ sở thuộc Hội:.....

- Văn phòng đại diện:.....

d) Việc kiện toàn tổ chức Hội (tổ chức Đại hội, hội nghị thường niên; họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ theo quy định của Điều lệ Hội, kiện toàn ban lãnh đạo, các chức danh chủ chốt...)

.....

.đ) Khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội (nếu có)

.....

2. Kết quả hoạt động

a) Kết quả những hoạt động của Hội:

.....

Trường hợp Hội (bao gồm tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội) nhận nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền về mục đích, kế hoạch sử dụng trước khi thực hiện và kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ các thông tin về hoạt động, kết quả thực hiện các khoản viện trợ nước ngoài (được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt), hợp đồng dịch vụ hoặc thỏa thuận hợp tác với nước ngoài (không thực hiện phê duyệt); thông tin về nhà tài trợ; thông tin đối tác trực tiếp tiếp nhận, thực hiện tài trợ.

b) Việc thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao:

.....

3. Tài chính của Hội

a) Tổng nguồn thu của Hội:.....

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....

- Kinh phí do tổ chức nước ngoài tài trợ:.....

Nêu rõ giá trị nguồn kinh phí, tài chính do nước ngoài tài trợ (được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt) hoặc tài trợ theo hợp đồng dịch vụ hoặc thỏa thuận hợp tác (không thực hiện phê duyệt) kèm theo kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế và quy định pháp luật liên quan hợp đồng dịch vụ hoặc thỏa thuận hợp tác của Hội.

- Hội tự huy động từ các nguồn khác:.....

b) Tổng chi của Hội:.....

4. Tài sản của Hội

a) Tài sản hình thành từ ngân sách nhà nước hoặc được Nhà nước giao

b) Tài sản từ nguồn viện trợ và tài sản từ các nguồn hợp pháp khác của Hội

5. Dự kiến phương hướng, nhiệm vụ năm...

.....

6. Đề xuất, kiến nghị

.....

Trên đây là nội dung báo cáo về tổ chức, hoạt động năm..., Hội...(1)... báo cáo...(3)....

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu:...

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên hội.
- (2) Tên viết tắt của hội.
- (3) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hội.

Mẫu số 17. Sơ yếu lý lịch cá nhân**SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁ NHÂN**

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):.....
- 2) Tên gọi khác:.....
- 3) Sinh ngày:..... tháng..... năm....., Giới tính (nam, nữ):.....
- 4) Nơi sinh: Xã....., Huyện....., Tỉnh.....
- 5) Quê quán: Xã....., Huyện....., Tỉnh.....
- 6) Dân tộc:....., 7) Tôn giáo:.....
- 8) Nơi thường trú:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp công tác:.....
- 11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng:.....
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:..... Ngày tháng năm bổ nhiệm:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
- 13) Công việc chính được giao:.....
- 14) Ngạch công chức (viên chức) nếu có:..... Ngày tháng năm bổ nhiệm ngạch:....., Mã ngạch:.....
Bậc lương:....., Hệ số:....., Ngày hưởng:...../...../....., Phụ cấp chức vụ:....., Phụ cấp khác:.....
- 15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):.....
- 15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:.....
(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
- 15.3- Lý luận chính trị:..... 15.4- Quản lý nhà nước:.....
(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự,.....)
- 15.5- Ngoại ngữ:..... 15.6- Tin học:.....
(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:...../...../....., Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:.....
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ:...../...../....., Ngày xuất ngũ:...../...../....., Quân hàm cao nhất:.....
- 19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:.....
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và ưu tú,....)
- 20) Sở trường công tác:.....
- 21) Khen thưởng:....., 22) Kỷ luật:.....
(Hình thức cao nhất, năm nào) (về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào)
- 23) Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:..... kg, Nhóm máu:.....

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng